

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In Số 7 (“Công ty”), một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300466144 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 06 năm 2004 và được điều chỉnh gần đây nhất vào ngày 07 tháng 01 năm 2015 (sau đây được gọi chung là “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”).

Hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là in gia công các loại sách, báo, nhãn bao bì, lịch, catalogue, vé số và các loại văn hóa phẩm cao cấp khác. Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao. Dịch vụ trò chơi điện tử. Cắt tóc, làm đầu, gội đầu. Cán láng các loại mặt hàng in. Mua bán vật tư, hóa chất ngành in, mực giấy in (trừ kinh doanh hóa chất sử dụng trong nông nghiệp). Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Hoạt động sáng tác nghệ thuật và giải trí. Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở).

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 2 năm 2015 và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính năm nay so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

Nhân viên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 209 nhân viên.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính.

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán.

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với vàng tiền tệ: dùng giá mua vàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hoặc trong trường hợp không có giá mua của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì áp dụng giá mua vàng của đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kì hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần In Số 7

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 30 năm
- Máy móc và thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 07 năm
- Tài sản cố định khác	02 - 07 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý tài sản cố định được ghi nhận bằng cách so sánh giá trị thuần của khoản thu được từ thanh lý với giá trị ghi sổ của tài sản được thanh lý và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các thành viên.

Công ty Cổ phần In Số 7

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên tỷ lệ công việc thực tế đã thực hiện trên tổng khối lượng công việc cần hoàn thành. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu đã đến hạn.

Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm các doanh nghiệp và cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều trung gian kiểm soát hoặc kiểm soát bởi, hoặc dưới sự kiểm soát chung của một công ty, bao gồm công ty mẹ, các công ty con và các công ty liên kết. Các tổ chức và các cá nhân sở hữu, trực tiếp hay gián tiếp có quyền biểu quyết ảnh hưởng quan trọng trong việc kinh doanh của công ty, các cá nhân tham gia điều hành công ty cấp cao bao gồm các giám đốc và các nhân viên trong công ty cũng như người thân của các cá nhân này cùng các công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

Việc xác định các mối quan hệ với các bên liên quan phụ thuộc trực tiếp đến bản chất của mối quan hệ và không chỉ đơn thuần là hình thức pháp lý.

Công ty Cổ phần In Số 7**Thuyết minh báo cáo tài chính****Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.***Số dư bằng không**

Các tài khoản hoặc khoản mục có số dư bằng không theo Hệ thống Kế toán Việt Nam sẽ không được phản ánh trên báo cáo tài chính.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
Tiền mặt	333,484,041	873,635,484
Tiền gửi ngân hàng	19,063,444,497	9,334,202,141
	19,396,928,538	10,207,837,625
	19,396,928,538	10,207,837,625

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**6a. Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2015			31/12/2014		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng giảm giá	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng giảm giá
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long	208,500,000	208,500,000	-	208,500,000	208,500,000	-
	208,500,000	208,500,000	-	208,500,000	208,500,000	-
	208,500,000	208,500,000	-	208,500,000	208,500,000	-

6b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn - Ngân hàng phát triển nhà Cừu Long (a)	1,176,538,316	1,176,538,316	1,102,635,556	1,102,635,556
Tiền gửi có kỳ hạn - Ngân hàng Eximbank Việt Nam chi nhánh quận 7 (b)	311,706,965	311,706,965	296,356,457	296,356,457
	1,488,245,281	1,488,245,281	1,398,992,013	1,398,992,013
	1,488,245,281	1,488,245,281	1,398,992,013	1,398,992,013

(a) Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng phát triển nhà Cừu Long từ 6 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 6% đến 8%/năm.

(b) Khoản tiền gửi USD có kỳ hạn tại Ngân hàng Eximbank Việt Nam chi nhánh quận 7 từ 6 tháng và không có lãi suất.

Công ty Cổ phần In Số 7**Thuyết minh báo cáo tài chính****Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.***6c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2015			31/12/2014		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn						
Công ty liên kết	14,163,159,765	(909,212,893)	13,253,946,872	14,163,159,765	(1,200,000,000)	12,963,159,765
	14,163,159,765	(909,212,893)	13,253,946,872	14,163,159,765	(1,200,000,000)	12,963,159,765

Khoản đầu tư thành lập công ty TNHH Công Nghệ Bao Bì Taisho & 7 theo hợp đồng liên doanh ngày 28/06/2012 với Taisho Printing Co., Ltd. Giá trị vốn góp của Công ty là 14.163.159.765 VND tương đương 680.000 USD chiếm 40% vốn điều lệ của Công ty TNHH Bao Bì Taisho & 7. Trong đó, vốn góp bằng tiền là 2.211.933.600 VND tương đương 106.200 USD và vốn góp bằng quyền sử dụng văn phòng nhà xưởng là 10.909.706.400 VND tương đương 523.800 USD. Tuy nhiên, công ty chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản đem đi góp vốn.

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy chứng nhận đầu tư	% quyền sở hữu	Năm 2015	% quyền sở hữu	Năm 2014
Công ty TNHH Công Nghệ Bao Bì Taisho & 7	Sản xuất bao bì giấy cao cấp từ giấy nguyên liệu	Số 412022000398 do Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Tp.HCM cấp	40%	14,163,159,765	40%	14,163,159,765

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn:

	Năm 2015	Năm 2014
Số dư đầu năm	1,200,000,000	1,200,000,000
Tăng dự phòng trong năm	-	-
Hoàn nhập	(290,787,107)	-
Số dư cuối năm	909,212,893	1,200,000,000

Công ty Cổ phần In Số 7

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

7a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015	31/12/2014
Phải thu từ các công ty liên quan		
Công ty TNHH Công Nghệ Bao Bì Taisho & 7	87,472,000	1,056,550,023
Phải thu từ các công ty khác		
Công ty TNHH RKW Lotus	1,711,881,600	1,486,307,885
Công ty TNHH Một Thành Viên XSKT Sóc Trăng	-	1,420,980,000
Công ty TNHH Một Thành Viên XSKT Trà Vinh	-	1,310,760,000
Công ty Cổ Phần Kinh đô Bình Dương	3,406,259,555	2,247,156,610
Công ty TNHH Nestlé Việt Nam	1,425,113,745	1,135,450,800
Công ty TNHH Dụ Đức Việt Nam	561,646,079	690,019,467
CN Công ty TNHH Dầu Thực Vật Cái Lân tại Hiệp Phước	1,047,321,000	543,745,213
Công ty TNHH Dầu Thực Vật Cái Lân	463,438,690	165,334,510
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn KIDO	781,800,800	-
Công ty TNHH United International Pharma	690,339,210	419,716,770
Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Cholimex	526,857,508	565,380,046
Công ty Cổ Phần Đồng Tiến	809,901,299	199,177,969
Công ty Cổ Phần Thực Phẩm GN	1,047,608,430	402,221,000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Thương Mại TNG	624,892,455	189,879,303
Công ty TNHH Một Thành Viên SX-TM-DV-XNK Nextone	253,000,000	478,500,000
Các khách hàng khác	4,463,188,033	6,083,452,665
	17,900,720,404	18,394,632,261

Công ty Cổ phần In Số 7

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

8. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN

8a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015	31/12/2014
Trả trước cho các công ty liên quan		
Tổng Công ty Văn Hoá Sài Gòn-Cty TNHH Một Thành Viên	2,400,975,200	-
Trả trước cho người bán khác		
Công ty TNHH TM- DV - XNK Thiên Nhân Tuấn	-	160,000,320
Công ty TNHH Thái Kim Huyền	-	9,070,094
Công ty CP SX - TM Mê Kông	501,386,512	-
Công ty TNHH SX-TM Trường Sơn Sài Gòn	56,454,034	-
	2,958,815,746	169,070,414

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

9a. Phải thu về cho vay ngắn hạn:

	31/12/2015	31/12/2014
Phải thu từ các công ty liên quan		
Công Ty TNHH Công Nghệ Bao Bì Taisho & 7	2,180,000,000	504,864,000
Phải thu từ các công ty khác	-	-
	2,180,000,000	504,864,000

Khoản cho công ty TNHH Công Nghệ Bao Bì Taisho & 7 vay với thời hạn từ 6 tháng đến 12 tháng, lãi suất từ 5% đến 7%/năm.

Công ty Cổ phần In Số 7

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

10. PHẢI THU KHÁC

10a. Các khoản phải thu ngắn hạn khác:

	31/12/2015	31/12/2014
Phải thu từ các công ty liên quan	-	-
Công Ty TNHH Công Nghệ Bao Bì Taisho & 7	685,000,000	801,853,879
Tổng Công Ty Văn Hoá Sài Gòn-Công ty TNHH Một Thành Viên	222,345,000	-
Phải thu khác		
Tạm ứng	52,250,000	40,000,000
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	476,968,129	503,589,590
Công Ty TNHH Năm Hai Năm	22,991,561	32,371,640
Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển CN Kỳ Hòa	25,164,847	-
Ốm đầu thai sản	41,252,309	21,053,566
Phải thu khác	332,040,958	164,698,280
	1,858,012,804	1,563,566,955

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015	31/12/2014
Nguyên vật liệu	1,644,307,221	1,492,315,710
Công cụ, dụng cụ trong kho	39,577,612	5,800,000
Chi phí sản xuất dở dang	5,462,982,601	6,952,071,763
Hàng hoá	7,715,164,695	6,879,629,827
	14,862,032,129	15,329,817,300
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(90,682,152)	-
	14,771,349,977	15,329,817,300

12. THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ

	31/12/2015	31/12/2014
Thuế GTGT được khấu trừ	1,059,926,880	783,408,804
	1,059,926,880	783,408,804

Công ty Cổ phần In Số 7**Thuyết minh báo cáo tài chính****Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.***13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Total
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	40,747,917,860	80,649,858,199	1,986,903,508	926,324,822	2,066,845,659	126,377,850,048
Tăng trong năm	-	6,198,911,178	-	158,743,182	-	6,357,654,360
Thanh lý	-	(150,000,000)	-	(32,928,000)	-	(182,928,000)
Số dư cuối năm	40,747,917,860	86,698,769,377	1,986,903,508	1,052,140,004	2,066,845,659	132,552,576,408
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	15,418,067,620	68,108,203,675	1,452,312,582	901,400,584	1,789,432,932	87,669,417,393
Khấu hao trong năm	3,835,252,711	10,677,693,677	130,783,755	100,126,817	184,353,408	14,928,210,368
Thanh lý	-	(150,000,000)	-	(32,928,000)	-	(182,928,000)
Số dư cuối năm	19,253,320,331	78,635,897,352	1,583,096,337	968,599,401	1,973,786,340	102,414,699,761
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	25,329,850,240	12,541,654,524	534,590,926	24,924,238	277,412,727	38,708,432,655
Số dư cuối năm	21,494,597,529	8,062,872,025	403,807,171	83,540,603	93,059,319	30,137,876,647

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản trị giá 51.039.560.402 VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 (2014: 48.042.627.753 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần In Số 7**Thuyết minh báo cáo tài chính****Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.***14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	15,783,331,200	15,783,331,200
Tăng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	15,783,331,200	15,783,331,200
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	2,164,349,447	2,164,349,447
Khấu hao trong năm	381,854,784	381,854,784
Số dư cuối năm	2,546,204,231	2,546,204,231
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	13,618,981,753	13,618,981,753
Số dư cuối năm	13,237,126,969	13,237,126,969

Công ty Cổ phần In Số 7

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

15a. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015	31/12/2014
Phải trả các công ty liên quan		
Công ty TNHH Công Nghệ Bao Bì Taisho & 7		1,116,687,000
Phải trả các công ty khác		
Công ty TNHH Thương Mại Bình Phát Đạt	2,111,436,999	2,751,030,269
Công ty Cổ Phần Nam Liên	1,038,948,900	578,441,820
Công ty Cổ Phần Giấy Phụng Vĩnh Hưng	13,646,902,062	11,314,721,795
Công ty TNHH Tín Nhân	1,203,396,777	714,015,249
Công ty Cổ phần SX - TM Mê Kông	-	2,427,314,907
Công ty Cổ phần TM Toàn Lực	3,954,993,628	-
DNTN SX-TM Phụng Vĩnh Hưng	2,706,427,396	-
Công ty TNHH TNHH Hồng Hưng	-	885,169,976
Nhà Xuất Bản Giáo Dục TP.HCM	1,003,112,887	1,061,446,072
Công Ty TNHH TM-DV-KT Toàn ấn	1,653,544,035	-
Các khách hàng khác	3,660,412,736	4,172,288,226
	30,979,175,420	25,021,115,314

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

16a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2015	31/12/2014
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác		
Công Ty TNHH - MTV HMP Quang Vinh	-	22,500,000
Công Ty TNHH TM-DV-SX Mai Ngọc	-	15,494,000
Công Ty TNHH Modern Cass International Cosmetics (VN)	-	17,219,400
Công Ty Jiun Ye Garment (Cambodia)	31,580,093	-
Các khách hàng khác	25,380,974	-
	56,961,067	55,213,400

Công ty Cổ phần In Số 7**Thuyết minh báo cáo tài chính****Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.***17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số dư đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số dư cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	7,368,296,753	(7,368,296,753)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	179,097,330	(179,097,330)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	51,553,143	(51,553,143)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,592,878,644	3,340,413,495	(4,992,878,644)	940,413,495
Thuế thu nhập cá nhân	223,535,622	857,801,215	(595,159,805)	486,177,032
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	58,732,000	226,355,332	(285,087,332)	-
Các loại thuế khác	8,644,003	3,000,000	(11,644,003)	-
	2,883,790,269	12,026,517,268	(13,483,717,010)	1,426,590,527

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	31/12/2015	31/12/2014
Tiền lương người lao động	6,006,251,487	6,870,790,341
	6,006,251,487	6,870,790,341

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**19a. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2015	31/12/2014
Phải trả các bên liên quan		
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Lãi vay phải trả	-	44,068,308
Chi phí sản xuất kinh doanh phải trả	-	681,306,207
	-	725,374,515

Công ty Cổ phần In Số 7

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

20a. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015	31/12/2014
Phải trả các công ty liên quan	-	-
Cổ tức phải trả Tổng công ty văn hóa Sài Gòn - Công ty TNHH MTV	1,755,000,000	1,428,000,000
Cổ tức phải trả cho các cổ đông khác	2,148,475,000	1,387,480,000
Các khoản phải trả khác		
Bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn		
Công ty TNHH Dịch vụ Nam Mê Kông	1,760,000,000	960,000,000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2,376,083,052	4,545,663,016
	8,039,558,052	8,321,143,016

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số dư cuối năm		Số dư đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả khác				
Khoản vay 1 từ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - CN Q7 (a)	-	-	4,747,320,000	4,747,320,000
	-	-	4,747,320,000	4,747,320,000

Công ty Cổ phần In Số 7**Thuyết minh báo cáo tài chính****Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.***21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số dư cuối năm		Số dư đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả khác				
Khoản vay 1 từ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - CN Q7 (a)	5,201,826,490	5,201,826,490	11,447,736,490	11,447,736,490
Khoản vay 2 từ Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển - CN Kỳ Hòa (b)	3,088,843,400	3,088,843,400	-	-
	8,290,669,890	8,290,669,890	11,447,736,490	11,447,736,490
Hoàn trả sau 12 tháng	8,290,669,890	8,290,669,890	11,447,736,490	11,447,736,490

- (a) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay dài hạn 5.201.826.490 VND là khoản phải trả cho Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quận 7 theo hợp đồng tín dụng số 1403-LAV-201300387. Mục đích vay để thanh toán tiền mua máy in Offset, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay này. Các khoản vay này chịu lãi suất năm là 10%.
- (b) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay dài hạn 3.088.843.400 VND là khoản phải trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Kỳ Hòa theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/73507/HĐTD. Mục đích vay để đầu tư mua hệ thống máy in Offset, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay này. Các khoản vay này chịu lãi suất năm là 7%.

22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	31/12/2015	31/12/2014
Số dư đầu năm	1,839,291,920	1,598,067,758
Trích lập trong năm	1,231,228,040	950,358,049
Chi trong năm	(555,530,590)	(709,133,887)
Số dư cuối năm	2,514,989,370	1,839,291,920

Công ty Cổ phần In Số 7**Thuyết minh báo cáo tài chính****Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.***23. VỐN CHỦ SỞ HỮU****23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	20,000,000,000	21,783,131,894	4,780,842,128	-	46,563,974,022
Lãi thuần trong năm	-	-	-	10,843,592,307	10,843,592,307
Vốn góp	10,000,000,000	(10,000,000,000)	-	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	-	2,980,624,393	-	-	2,980,624,393
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	922,578,049	-	922,578,049
Chia cổ tức	-	-	-	(4,400,000,000)	(4,400,000,000)
Thù lao hội đồng quản trị	-	-	-	(145,500,000)	(145,500,000)
Điều chỉnh	-	-	-	(4,825,780,491)	(4,825,780,491)
Phân loại	-	5,703,420,177	(5,703,420,177)	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	30,000,000,000	20,467,176,464	-	1,472,311,816	51,939,488,280
Lãi thuần trong năm	-	-	-	11,784,129,146	11,784,129,146
Vốn góp	-	-	-	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	-	10,563,583,268	-	(1,472,311,816)	9,091,271,452
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(4,645,195,658)	(4,645,195,658)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1,161,298,915)	(1,161,298,915)
Chia cổ tức	-	-	-	(5,700,000,000)	(5,700,000,000)
Thù lao hội đồng quản trị	-	-	-	(171,140,000)	(171,140,000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	30,000,000,000	31,030,759,732	-	106,494,573	61,137,254,305

Công ty Cổ phần In Số 7

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty là:

	Được duyệt			Đã góp	
	Số cổ phần	Giá trị cổ phần	%	Giá trị cổ phần	%
Ông Trần Văn Tấn	570,000	5,700,000,000	19	5,700,000,000	100
Bà Huỳnh Thanh Tường Khanh	450,000	4,500,000,000	15	4,500,000,000	100
Bà Lê Thị Bích Hằng	240,000	2,400,000,000	8	2,400,000,000	100
Bà Võ Thị Thùy Chinh	90,000	900,000,000	3	900,000,000	100
Cổ đông khác	1,650,000	16,500,000,000	55	16,500,000,000	100
	3,000,000	30,000,000,000	100	30,000,000,000	100

Theo công văn số 757/VHSG ngày 30 tháng 11 năm 2015 về việc cử người bổ sung thành viên hội đồng quản trị đại diện vốn nhà nước Bà Huỳnh Thanh Tường Khanh thay cho Ông Tạ Quốc Bình.

23c. Cổ phiếu

	31/12/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	3,000,000	3,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	3,000,000	3,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3,000,000	3,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	3,000,000	3,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Công ty Cổ phần In Số 7

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

24a. Ngoại tệ các loại

	31/12/2015		31/12/2014	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	129,060.97	2,897,418,777	62,651.46	1,339,059,609
EUR	1.34	32,735	1.34	33,597
		2,897,451,511		1,339,093,206

25. DOANH THU

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hoá đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Năm 2015	Năm 2014
Tổng doanh thu		
Doanh thu gia công in giấy	119,464,047,217	100,480,957,055
Doanh thu kinh doanh giấy	75,943,031,502	64,239,530,388
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Chiết khấu thương mại	(366,721,915)	(340,849,565)
Giảm giá hàng bán	(23,117,600)	-
Hàng bán bị trả lại	(400,349,043)	(371,765,711)
	194,616,890,161	164,007,872,167

26. GIÁ VỐN BÁN HÀNG

	Năm 2015	Năm 2014
Giá vốn gia công in	81,867,562,754	69,331,731,338
Giá vốn kinh doanh giấy	73,250,341,298	60,227,794,916
	155,117,904,052	129,559,526,254

Công ty Cổ phần In Số 7**Thuyết minh báo cáo tài chính****Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.***27. DOANH THU TÀI CHÍNH**

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền gửi ngân hàng	207,330,865	168,631,076
Lãi hợp đồng ký quỹ	3,402,367	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1,129,000,000	999,000,000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	870,469	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	114,437,979	15,952,617
Khác	-	178,990
	1,455,041,680	1,183,762,683

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí lãi vay	1,028,094,262	3,383,903,088
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16,802,980	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư dài hạn	(290,787,107)	-
	754,110,135	3,383,903,088

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí vật liệu bao bì	3,894,651,085	1,011,013,288
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	293,000	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	117,332,148	113,051,751
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,171,059,960	5,094,471,706
Chi phí bằng tiền khác	5,021,997,009	2,459,907,270
	12,205,333,202	8,678,444,015

Công ty Cổ phần In Số 7**Thuyết minh báo cáo tài chính****Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.***30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nhân viên quản lý	6,720,582,473	5,942,475,803
Chi phí vật liệu quản lý	29,634,075	25,096,036
Chi phí đồ dùng văn phòng	466,251,195	255,974,714
Chi phí khấu hao TSCĐ	863,638,450	926,467,954
Thuế, phí và lệ phí	400,040,024	181,878,622
Chi phí dự phòng	157,877,250	137,642,432
Chi phí dịch vụ mua ngoài	903,597,119	571,072,792
Chi phí bằng tiền khác	4,829,978,532	2,714,515,717
	14,371,599,118	10,755,124,070

31. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
Thanh lý tài sản cố định hữu hình	50,545,455	265,000,000
Thanh lý tài sản vô hình	-	263,605,000
Tiền giữ hộ tài sản	103,150,000	123,250,000
Thu bán phế liệu	474,608,400	-
Tiền điện nước	524,548,992	-
Giấy tiết kiệm	290,458,200	-
Khác	58,246,260	610,087,904
	1,501,557,307	1,261,942,904

Công ty Cổ phần In Số 7

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Đối chiếu thuế suất có hiệu lực

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi trước thuế	15,124,542,641	13,975,165,852
Chi phí không được khấu trừ thuế	-	-
Thu nhập không bị tính thuế	-	-
Lỗ tính thuế được sử dụng	59,155,064	259,259,353
Lợi nhuận chịu thuế trước thuế	15,183,697,705	14,234,425,205
Thuế suất	22%	22%
	3,340,413,495	3,131,573,545

Thuế suất áp dụng

Theo các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế.

Lỗ tính thuế trong năm phụ thuộc vào quyết toán thuế của cơ quan thuế.

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	85,487,120,180	82,617,435,156
Chi phí nhân công	36,747,470,547	24,898,069,228
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15,310,065,152	14,476,557,938
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24,165,948,371	14,006,171,750
Chi phí khác	18,495,142,960	9,873,914,405
	180,205,747,210	145,872,148,477

Công ty Cổ phần In Số 7

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

34. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2015	Năm 2014
Tổng công ty văn hóa Sài Gòn	Công ty liên quan	Trả cổ tức	2,346,000,000	2,856,000,000
		Trả lãi vay từ việc mua máy	-	301,506,537
		Thanh toán nợ dài hạn mua máy	6,996,770,200	9,201,495,490
Công ty TNHH Công Nghệ Bao Bi Taisho & 7	Công ty liên kết	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	3,522,868,864	3,371,441,830
		Các khoản thu khác (điện, nước)	488,942,757	458,740,704
		Nhận hàng hóa dịch vụ	13,200,000	1,157,454,156

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính



Võ Thị Thùy Chinh
Người lập biểu



Lương Bình Thìn
Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Trung
Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2016